

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UB.TC ngày 20/03/2001 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc thành lập Trường tiểu học Công lập Nguyễn Thị Định - Quận 7 và Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc tổ chức lại Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 26/08/2024 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các Trường tiểu học công lập trực thuộc quận;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 6811/UBND-TCKH ngày 24/10/2024 về số sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố giao dự toán năm 2024 và nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện chi phần chênh lệch tăng thêm (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Tăng mức lương cơ sở, quỹ tiền thưởng, quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, thu nhập tăng thêm);

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2024 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Nguyễn Thị Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Q7;
- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Thị Kim Phượng

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Trường tiểu học Nguyễn Thị Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí	-	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	26.021.851.330	24.418.912.585	94%	97%
1	Thu sự nghiệp:	12.316.301.250	11.974.075.300	97%	97%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	143.088.750	148.401.750	104%	36%
	- Tiếng Anh tăng cường	741.750.000	427.471.500	58%	56%
	- Tiếng Anh tích hợp	918.000.000	1.022.493.800	111%	89%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	1.976.250.000	1.956.750.000	99%	97%
	- Tổ chức học Tin học	44.437.500	46.087.500	104%	33%
	- Giáo dục kỹ năng sống	1.190.000.000	1.172.040.000	98%	96%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	3.102.500.000	3.024.250.000	97%	112%
	- Năng khiếu	578.000.000	507.020.000	88%	85%
	- Tổ chức Học bơi	376.125.000	286.164.750	76%	101%
	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.991.150.000	3.135.296.000	105%	110%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	255.000.000	248.100.000	97%	96%
2	Doanh thu tài chính	11.052.244	8.599.419	78%	122%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Lãi ngân hàng	11.052.244	8.599.419	78%	122%
3	Thu nhập khác	4.480.000	1.640.000	37%	37%
	- Thanh lý tài sản	4.480.000	1.640.000	37%	37%
4	Phải trả khách hàng	3.000.000	3.000.000	100%	100%
	- Phí chuyển khoản lương	3.000.000	3.000.000	100%	100%
5	Thu hộ:	13.687.017.836	12.431.597.866	91%	98%
	- Tiền ăn bán trú	11.126.500.000	9.714.783.678	87%	96%
	- Nước uống bán trú	223.125.000	219.772.500	98%	98%
	- Tiền điện, bảo trì máy lạnh	416.500.000	410.236.000	98%	102%
	- Số liên lạc điện từ	157.500.000	172.780.000	110%	82%
	- Học phẩm, Đề kiểm tra	87.500.000	85.300.000	97%	97%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	1.309.653.520	1.585.655.190	121%	121%
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	77.694.189	93.809.791	121%	121%
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	38.437.127	22.784.707	59%	59%
	- Hướng dẫn thực tập sư phạm	53.000.000	58.400.000	110%	110%
	- Khen thưởng HS, GV, TT	116.800.000	20.570.000	18%	18%
	- Ngày hội học thông qua chơi	30.000.000		0%	0%
	- Hỗ trợ chi phí học tập	18.900.000	18.900.000	100%	100%
	- Phí YoYoSchool	31.408.000	28.606.000	91%	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	26.021.851.330	22.438.971.018	86%	93%
1	Chi sự nghiệp:	12.316.301.250	9.992.653.247	81%	87%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	143.088.750	122.851.197	86%	31%
	- Tiếng Anh tăng cường	741.750.000	308.600.930	42%	43%
	- Tiếng Anh tích hợp	918.000.000	245.821.872	27%	39%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	1.976.250.000	1.727.237.575	87%	87%
	- Tổ chức học Tin học	44.437.500	6.863.499	15%	6%
	- Giáo dục kỹ năng sống	1.190.000.000	1.071.804.805	90%	89%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	3.102.500.000	2.786.706.851	90%	104%
	- Năng khiếu	578.000.000	423.734.780	73%	77%
	- Tổ chức Học bơi	376.125.000	277.571.920	74%	169%
	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.991.150.000	2.819.434.817	94%	100%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	255.000.000	202.025.001	79%	97%
2	Doanh thu tài chính	11.052.244	5.661.983	51%	220%
	- Lãi ngân hàng	11.052.244	5.661.983	51%	220%
3	Thu nhập khác	4.480.000	0	0%	
	- Thanh lý tài sản	4.480.000	0	0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Phải trả khách hàng	3.000.000	1.124.200	37%	43%
	- Phí chuyển khoản lương	3.000.000	1.124.200	37%	43%
5	Chi hộ:	13.687.017.836	12.439.531.588	91%	99%
	- Tiền ăn bán trú	11.126.500.000	9.736.676.240	88%	96%
	- Nước uống bán trú	223.125.000	218.347.574	98%	113%
	- Tiền điện, bảo trì máy lạnh	416.500.000	424.102.811	102%	102%
	- Sở liên lạc điện tử	157.500.000	186.958.200	119%	95%
	- Học phẩm, Đề kiểm tra	87.500.000	89.555.686	102%	132%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	1.309.653.520	1.584.464.490	121%	121%
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	77.694.189	41.981.352	54%	49%
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	38.437.127	1.139.235	3%	3%
	- Hướng dẫn thực tập sư phạm	53.000.000	58.400.000	110%	110%
	- Khen thưởng HS, GV, TT	116.800.000	50.400.000	43%	93%
	- Ngày hội học thông qua chơi	30.000.000		0%	0%
	- Hỗ trợ chi phí học tập	18.900.000	18.900.000	100%	100%
	- Phí YoYoSchool	31.408.000	28.606.000	91%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.258.000.000	24.565.714.639	110%	131%
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.258.000.000	24.565.714.639	110%	131%
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	22.258.000.000	24.565.714.639	110%	131%
3.1	Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 13)	11.030.000.000	14.597.828.962	132%	134%
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14 của 13)	1.944.000.000	0	0%	
3.3	Kinh phí chi không thường xuyên (nguồn 12)	1.115.000.000	1.238.980.974	111%	92%
3.4	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14 của 12)	8.169.000.000	8.367.974.703	102%	129%
3.5	Kinh phí khen thưởng (nguồn 18)	0	360.930.000		

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lệ Hoa

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Phụng

Quận 7, ngày 5 tháng 2 năm 2025

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 26/08/2024 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các Trường tiểu học công lập trực thuộc quận.

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 6811/UBND-TCKH ngày 24/10/2024 về số sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố giao dự toán năm 2024 và nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện chi phần chênh lệch tăng thêm (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Tăng mức lương cơ sở, quỹ tiền thưởng, quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, thu nhập tăng thêm);

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chính phủ.

Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 cụ thể như sau:

I./ Tình hình thu - chi ngân sách:

1. Tình hình thực hiện thu:

- Dự toán năm 2023 còn dư chuyển sang: 1.947.814.511đ

- Dự toán giao đầu năm 2024: 22.258.000.000đ
- Dự toán bổ sung trong năm 2024: 3.967.319.000đ
- Dự toán được sử dụng trong năm 2024: 28.173.133.511đ
- Dự toán đã sử dụng năm 2024: 24.565.714.639đ

2. Tình hình thực hiện chi:

- Tổng chi ngân sách năm 2024 là 24.565.714.639 đồng, đạt 110% so với dự toán, bằng 131% so với cùng kỳ năm trước.

II./ Tình hình thu - chi nguồn thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ:

1. Tình hình thực hiện thu:

- Thu từ nguồn thu sự nghiệp: 11.974.075.300 đồng, đạt 97% so với dự toán, bằng 97% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ nguồn doanh thu tài chính 8.599.419 đồng, đạt 78% so với dự toán, bằng 122% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ nguồn thu nhập khác: 1.640.000 đồng, , đạt 37% so với dự toán, bằng 37% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ nguồn phải trả khách hàng: 3.000.000 đồng, đạt 100% so với dự toán, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ nguồn thu hộ chi hộ: 12.431.597.866 đồng, đạt 91% so với dự toán, bằng 98% cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình thực hiện chi:

- Chi từ nguồn thu sự nghiệp: 9.992.653.247 đồng, đạt 81% so với dự toán, bằng 87% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi từ nguồn doanh thu tài chính: 5.661.983 đồng, đạt 51% so với dự toán, bằng 220% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi từ nguồn thu nhập khác: 0 đồng
- Chi từ nguồn phải trả khách hàng: 1.124.200 đồng, đạt 37% so với dự toán, bằng 43% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi từ nguồn thu hộ chi hộ: 12.439.531.588 đồng, đạt 91% so với dự toán, bằng 99% cùng kỳ năm trước.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường Tiểu học Nguyễn Thị Định



Nguyễn Thị Kim Phượng

CÔNG KHAI THUÝẾT MINH TÍNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
NĂM 2024

ĐV tính: đồng

CHỈ TIÊU		DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH						NGUỒN KHÁC			Ghi chú
MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI	13.622.072 (Chi thường xuyên - Nguồn 13)	14.622.072 (Cải cách tiền lương - Nguồn 14 của 13)	12.622.072 (Chi không thường xuyên - Nguồn 12)	14.622.072 (Cải cách tiền lương - Nguồn 14 của 12)	18.622.072 (Khen thưởng - Nguồn 18)	NGUỒN THU SỰ NGHIỆP	DOANH THU TÀI CHÍNH		
6000		Tiền lương	6.472.239.432	-	-	-	-	-	-		
	6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	6.472.239.432	-	-	-	-	-	-		
6050		Tiền công	356.719.620	-	-	-	-	1.905.262.350	-		
	6051	Tiền công	356.719.620	-	-	-	-	1.905.262.350	-		
6100		Phụ cấp lương	3.541.177.014	-	1.030.103.834	-	-	-	-		
	6101	Phụ cấp chức vụ:	94.764.448	-	-	-	-	-	-		
	6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	-	-	690.104.593	-	-	-	-		
	6112	Phụ cấp ưu đãi nhà giáo	2.224.155.790	-	339.999.241	-	-	-	-		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	2.484.000	-	-	-	-	-	-		
	6115	Phụ cấp vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo	1.219.772.776	-	-	-	-	-	-		
6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-	18.900.000	-	-	-	-		
	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	-	18.900.000	-	-	-	-		
6200		Tiền thưởng	-	-	-	-	-	-	-		
	6249	Thưởng khác	-	-	-	-	360.930.000	-	-		
6300		Các khoản đóng góp	1.885.024.370	-	-	-	-	651.166.592	-		
	6301	Bảo hiểm xã hội	1.363.634.655	-	-	-	-	514.875.910	-		
	6302	Bảo hiểm y tế	240.641.403	-	-	-	-	90.860.455	-		
	6303	Kinh phí công đoàn	160.427.608	-	-	-	-	-	-		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	80.213.804	-	-	-	-	30.286.818	-		
	6349	Các khoản đóng góp khác	40.106.900	-	-	-	-	15.143.409	-		
6400		Các khoản thanh toán cá nhân	131.400.000	-	56.980.800	8.367.974.703	-	610.862.125	-		
	6449	Chi khác	131.400.000	-	56.980.800	8.367.974.703	-	610.862.125	-		
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	334.419.507	-	-	-	-	142.505.290	-		
	6501	Tiền điện	136.646.616	-	-	-	-	89.205.076	-		
	6502	Tiền nước	73.908.120	-	-	-	-	47.300.214	-		
	6504	Vệ sinh, môi trường	123.864.771	-	-	-	-	6.000.000	-		
6550		Vật tư văn phòng	89.350.882	-	43.750.000	-	-	29.098.872	-		
	6551	Văn phòng phẩm	45.285.882	-	-	-	-	29.098.872	-		
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	-	-	43.750.000	-	-	-	-		
	6599	Vật tư văn phòng khác	44.065.000	-	-	-	-	-	-		
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	18.337.994	-	-	-	-	12.063.257	-		

6605	Cước phí internet	14.121.994	-	-	-	-	12.063.257	-	
6608	Sách, báo, tạp chí thư viện	4.216.000	-	-	-	-			
6650	Hội nghị	3.284.820	-	-	-	-			
6699	Chi phí khác	3.284.820	-	-	-	-			
6700	Công tác phí	6.000.000	-	-	-	-			
6704	Khoản công tác phí	6.000.000	-	-	-	-			
6750	Chi phí thuê mượn	138.766.500	-	-	-	-			
6754	Thuế thiết bị các loại	23.175.000	-	-	-	-			
6799	Chi phí thuê mượn khác	115.591.500	-	-	-	-			
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	144.127.079	-	-	-	-	6.173.295.044	-	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	123.112.449	-	-	-	-	381.667.399		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	6.000.000	-	-	-	-	31.177.520		
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành						5.726.906.125		
7049	Chi khác	15.014.630	-	-	-	-	33.544.000		
7750	Chi khác	7.605.804	-	-	-	-	241.542.506	5.661.983	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	-	-	-	-	-	3.000.000	4.679.400	
7757	Bảo hiểm cháy nổ	7.605.804	-	-	-	-			
7799	Chi các khoản khác	-	-	-	-	-	238.542.506	982.583	Thuế
7950	Chi lập các quỹ	1.469.375.940	-	-	-	-	226.857.211	-	
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập	1.102.031.955	-	-	-	-			
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	146.937.594	-	-	-	-			
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	73.468.797	-	-	-	-			
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	146.937.594	-	-	-	-	226.857.211		Khấu hao
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	-	-	-	-	-			
8049	Chi hỗ trợ khác	-	-	-	-	-			
	CỘNG	14.597.828.962	-	-	1.238.980.974	8.367.974.703	360.930.000	9.992.653.247	5.661.983

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lê Hoa



Ngày tháng năm 2025
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHỔ HIỆU TRƯỜNG
HỌ TÊN: NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG

Nguyễn Thị Kim Phương

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC QUỸ
NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ Bổ sung thu nhập	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Tổng cộng
1	Số dư đầu kỳ	221.854.989	284.265.374	1.351.699.396	603.227.291	2.461.047.050
2	Số tăng trong kỳ	73.683.556	147.055.061	2.028.486.465	485.513.613	2.734.738.695
3	Số giảm trong kỳ	84.200.000	151.810.000	1.445.949.396	344.176.402	2.026.135.798
4	Số dư cuối kỳ	211.338.545	279.510.435	1.934.236.465	744.564.502	3.169.649.947

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lệ Hoa

Ngày 6 tháng 2 năm 2025
KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Phượng

